TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2023/DS-PT
Ngày: 17/5/2023.
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Trương Minh Tuấn

ông Nguyễn Tấn Long

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên toà trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 285/2022/TLPT-DS ngày 19/12/2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2042/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T và ông Phạm D.

Cùng địa chỉ: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Ông D uỷ quyền cho bà T tham gia tố tụng (văn bản uỷ quyền ngày 17/12/2018). Bà T có mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thanh C.

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Phạm Xuân T.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam (văn bản uỷ quyền ngày 05/7/2022). Ông T có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Uỷ ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: ông Phạm Xuân T. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam (văn bản uỷ quyền ngày 05/7/2022). Ông T có mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Phạm D trình bày: năm 1982, ông, bà khai hoang khoảng 950m^2 đất, chiều rộng 36m, chiều sâu 27m, sử dụng trồng dương liễu. Đến năm 1986 thì được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng, ông, bà sử dụng ổn định đến nay. Đầu năm 2018, ông Nguyễn Thanh C tự ý chặt 03 cây dương liễu, lấn chiếm của ông, bà khoảng 115m^2 đất.

Nay ông, bà yêu cầu ông C trả lại diện tích đã lấn chiếm là 67,9m^2 theo kết quả đo đạc do Toà án thực hiện. Ngoài ra, ông, bà yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện N cấp cho ông C, bà H năm 2005 liên quan đến diện tích đất tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng: ông C sử dụng đất ổn định, xây nhà trên đất từ trước đến nay, được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 510m^2, thuộc thửa đất số 256, tờ bản đồ số 05 tại thôn 7 (thôn L), xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Ông không lấn chiếm đất của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị H đồng ý với quan điểm của bị đơn.

- Uỷ ban nhân dân huyện N cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 256, tờ bản đồ số 05 tại thôn 7 (thôn L), xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính; các Điều 160, 163, 165, 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 20 Điều 4 Luật Đất đai năm 2003; khoản 16 Điều 3, Điều 166, 203 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phạm D,

Nguyễn Thị T với bị đơn Nguyễn Thanh C về việc buộc ông Nguyễn Thanh C tháo dỡ tài sản, trả lại diện tích đất 67,9m^2 thuộc thửa đất số 256, tờ bản đồ số 5, tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Không huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Uỷ ban nhân dân huyện N cấp cho ông Nguyễn Thanh C, bà Nguyễn Thị H ngày 15/12/2005 đối với thửa đất số 256, tờ bản đồ số 5, tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, thông báo quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; buộc ông Nguyễn Thanh C tháo dỡ tài sản, trả lại cho bà diện tích 67,9m^2 đất và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện N cấp cho ông C, bà H ngày 15/12/2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng, UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam đã được Toà án tống đạt giấy triệu tập tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Ngày 30/5/1986, UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng cho ông Phạm D tại xã T, huyện N, không có số thửa, số tờ bản đồ, không có biên bản cắm mốc nên không xác định được vị trí đất. Theo giấy chứng nhận, sơ đồ vị trí thể hiện: "lô 96, diện tích 950m^2, 1 bên giáp đường, 1 bên giáp biển, 1 bên giáp Nguyễn Hiệu, 1 bên giáp Thế Thừa". Căn cứ vào xác nhận của UBND xã T thì: theo hồ sơ 299/TTg không ai đăng ký, kê khai; theo hồ sơ 64/CP ông D, bà T không đăng ký, kê khai. Bà T cũng thừa nhận: qua các thời kỳ bà không thực hiện việc đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ có quyết định cấp đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng; hiện tài sản trên đất tranh chấp gồm tường rào xây gạch và cây là của ông C, không có tài sản của bà. Bà T cho

rằng bị đơn đã chặt cây và đào gốc dương liễu của bà nhưng không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, ngày 17/4/2023, bà T có đơn trình bày rằng phần diện tích đất tranh chấp hiện nay thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng được UBND huyện N cấp cho ông Nguyễn Thế Thừa. Như vậy, chính lời khai này của bà T đã xác định: không có căn cứ cho rằng diện tích đất tranh chấp 67,9m^2 thuộc diện tích đất 950m^2 mà ông D được cấp theo quyết định cấp đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng.

[2.2] Đối với phần diện tích đất của bị đơn mà nguyên đơn cho rằng đã lấn chiếm thì thấy rằng: năm 2005, ông Nguyễn Thanh C, bà Nguyễn Thị H được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 510m^2, thửa số 256, tờ bản đồ số 05 tại thôn 7, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Việc cấp đất cho ông C, bà H là trên cơ sở Quyết định số 4528/QĐ-UB ngày 31/7/2003 của UBND huyện N "Về việc thừa nhận quyền sử dụng đất cho công dân". Thời điểm ông C, bà H sử dụng đất là từ năm 1996. Ông C, bà H thực hiện đăng ký kê khai thửa số 256 đúng quy định của pháp luật và sử dụng đất ổn định. Như vậy, có cơ sở khẳng định diện tích đất tranh chấp 67,9m^2 thuộc diện tích đất đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà H. Ngoài ra, căn cứ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2019 của Toà án nhân dân huyện N thì thửa số 256, tờ bản đồ số 5 do ông C, bà H sử dụng có diện tích là 312,5m^2; cạnh mặt tiền giáp đường (chưa tính đất tranh chấp) là 19,29m, tính cả đất tranh chấp là 23,49m. Như vậy là giảm về diện tích sử dụng và cạnh mặt tiền so với diện tích được cấp trong hồ sơ đăng ký đất theo Nghị định 64/CP và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ cho rằng ông C lấn chiếm đất. Việc UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà H đối với thửa số 256 là đúng pháp luật.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét, bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban T vụ Quốc hội.

[4] Những phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 160, 163, 165, 688 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 20 Điều 4 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 16 Điều 3, Điều 166, 203 của Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm D, bà Nguyễn Thị T với bị đơn ông Nguyễn Thanh C về việc buộc ông Nguyễn Thanh C tháo dỡ tài sản, trả lại diện tích đất 67,9m^2 thuộc thửa đất số 256, tờ bản đồ số 5, tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Không huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Uỷ ban nhân dân huyện N cấp cho ông Nguyễn Thanh C, bà Nguyễn Thị H ngày 15/12/2005 đối với thửa đất số 256, tờ bản đồ số 5, tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3. Về án phí: miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T.

4. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên